

Bản án số: 678/2024/HC-PT

Ngày: 02-7-2024

“V/v khiếu kiện quyết định  
buộc thực hiện biện pháp khắc  
phục hậu quả”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 61/2024/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2024, về việc “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2023/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1863/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Phan Việt H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Dương Đình T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Lê Quốc T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H1 – Phó Trưởng phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân thành phố P (có mặt).*

*- Người kháng cáo: người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện và người đại diện trình bày:*

Năm 2021, ông H có chuyển nhượng diện tích đất khoảng 2.000m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Văn Q tại tổ G, khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn S khai khẩn từ năm 1992. Sau đó chuyển nhượng cho rất nhiều người và đến năm 2019 thì ông Q1 chuyển nhượng lại khu đất có diện tích ghi trong giấy chuyển nhượng là 9.060m<sup>2</sup>.

Sau khi chuyển nhượng, ông H tiến hành xây hàng rào và nhà ở. Ngày 07/7/2021, Ủy ban nhân dân phường A lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông H do có hành vi chiếm đất nhưng ông H không đồng ý nên không ký biên bản vì cho rằng ông không có hành vi chiếm đất.

Ngày 06/02/2023, Ủy ban nhân dân phường A mời ông H đến giao Quyết định số 3780/QĐ-KPHQ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ký ngày 15/07/2022 buộc ông H khắc phục hậu quả bằng hình thức trả lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đất 703,3m<sup>2</sup> đã chiếm.

Ông H cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P xác định ông có hành vi chiếm đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân phường A quản lý là không đúng. Vì đất này có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn S khai phá sử dụng từ năm 1992. Ông là người nhận chuyển nhượng và hiện đang sử dụng.

Ông H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3780/QĐ-KPHQ ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông H.

*Tại văn bản ngày 24/04/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân có ý kiến đối với đơn kiện của ông Phan Viết H như sau:*

Diện tích đất ông H bị xử lý vi phạm hành chính trước năm 1993 là đất trống không ai sử dụng. Ngày 18/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 2163/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ban Q2 quản lý theo thẩm quyền. Đến năm 2012 giao lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn A (nay là phường A) quản lý theo Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Năm 2013, ông Nguyễn Văn C vào cải tạo để trồng Tràm, Xà cừ trên đất do Nhà nước quản lý. Sau đó ông C chuyển nhượng bằng giấy tay cho ông Võ Sỹ Đ, ông Đ chuyển nhượng cho ông Q, ông Q chuyển nhượng cho vợ chồng bà Đỗ Thị G và ông Vũ Ngọc V. Đến ngày 11/5/2020, bà G, ông V chuyển nhượng lại cho ông H.

Ngày 28/06/2021, Công chức địa chính – xây dựng phường A phối hợp với các Cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 703,3m<sup>2</sup> do ông H chiếm. Toàn bộ diện tích đất này nằm trong Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 14/12/2012.

Ngày 07/07/2021 Công chức địa chính phường A lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Phan Viết H do có hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích 703,3m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân phường A quản lý, vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu, đúng thẩm quyền xác định đúng hành vi vi phạm và các nội dung liên quan.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 3780/QĐ-KPHQ ngày 15/07/2022 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính. Về trình tự thủ tục đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 65, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính. Phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2023/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Viết H.

Hủy Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Viết H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có đơn kháng cáo đề ngày 11/9/2023 với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

*Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ, chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: phần đất ông H sử dụng có nguồn gốc do chuyển nhượng lại và nguồn gốc đất được khai hoang từ năm 1992, nay không còn thuộc

quy hoạch rừng phòng hộ. Ngoài ra, biên bản vi phạm cũng không thể hiện rõ vị trí và chỉ thuộc một phần diện tích ông H sử dụng nên việc Ủy ban ban hành quyết định khắc phục hậu quả là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trong hạn luật định và hợp lệ theo Điều 206 luật tố tụng hành chính 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện

[2.1] Về nguồn gốc đất

Căn cứ vào Giấy nhượng đất ngày 07/3/2010 giữa ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn C thể hiện: ông S chuyển nhượng cho ông C một mảnh đất có diện tích là 9000m<sup>2</sup> tại ấp D, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; có hoa màu trên đất là vườn điều cổ thụ, về nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn S tự khai khẩn từ năm 1992; việc chuyển nhượng được ông Nguyễn Thanh T2 là Trưởng ban nhân dân ấp xác nhận cùng ngày với nội dung “*việc chuyển nhượng là đúng sự thật, chuyển cấp trên xem xét, giải quyết*”.

Sau đó, ông Nguyễn Văn C chuyển nhượng lại cho ông Võ Sỹ Đ theo Giấy sang nhượng đất ngày 20/11/2014 có nội dung: diện tích chuyển nhượng là 9.060m<sup>2</sup>, nguồn gốc đất do ông C sang nhượng lại của ông S năm 2010, việc sang nhượng này cũng được ông Trần Thanh H2 là Trưởng ban nhân dân thị trấn A xác nhận ngày 21/11/2014 ghi rõ “*Giấy sang nhượng đất cùng thành quả trên đất như nội trong giấy giữa hai bên là đúng*”.

Ngày 01/2/2014, ông Võ Sỹ Đ làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q diện tích 9060m<sup>2</sup>, nguồn gốc đất do ông Đ mua của ông C.

Ngày 14/01/2021, ông Nguyễn Văn Q làm Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phan Viết H 2.000m<sup>2</sup>, việc chuyển nhượng này được ông Trần Văn H3 là Trưởng khu phố 4 thuộc Ủy ban nhân dân phường T xác nhận.

Người bị kiện xác định diện tích đất của ông H bị xử phạt là do chuyển nhượng của những người sử dụng trước.

Như vậy, có căn cứ xác định toàn bộ diện tích ông H đang sử dụng được ông S sử dụng từ năm 1992, sau đó chuyển nhượng lại và người sau cùng nhận chuyển nhượng, sử dụng là ông Phan Việt H.

[2.2] Ngày 18/6/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 2163/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ban Q2 quản lý theo thẩm quyền nhưng đất vẫn do người dân sử dụng để canh tác.

[2.3] Ngày 11/05/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 633/QĐ-TTG phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 đã điều chỉnh diện tích đất giao cho ban Q2 quản lý theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ra khỏi quy hoạch rừng phòng hộ. Ngày 14/12/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ra Quyết định 2601/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.487.038,4m<sup>2</sup> tại thị trấn A (nay là phường A) thuộc quyền sử dụng của Ban Q2, giao cho Ủy ban nhân dân phường A quản lý diện tích đất trên. Trong đó có diện tích do ông H sử dụng.

[2.4] Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Việc xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014. Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[2.5] Ngoài ra, Căn cứ vào bản vẽ do ông Trần Quốc H4 là viên chức Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P tại thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xem xét, thẩm định tại chỗ thì thực tế ông Phan Việt H đang quản sử dụng diện tích 1.521,9m<sup>2</sup> là đất trống và có một căn nhà cấp 4 diện tích là 329,6m<sup>2</sup>; một căn nhà cấp 4 khác có diện tích 248,9m<sup>2</sup>, một nhà xe diện tích 32,3m<sup>2</sup> và một nhà kho diện tích là 39,6m<sup>2</sup>,

Bản vẽ này cũng phù hợp với Tờ trích đo địa chính số: TĐ/1074-2023 đo vẽ khu đất của ông Phan Việt H khởi kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P được ghi chú: diện tích đất khởi kiện được giới hạn các điểm số 1, 2, 3, 4, 10, 11, 12, 13, 20 và 15, diện tích là 2163m<sup>2</sup>.

[2.6] Tuy nhiên, tại Biên bản kiểm tra số 136/BB-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân về việc kiểm tra đo đạc hiện trạng thực tế vị trí đất hiện nay ông H đang sử dụng: “Hiện trạng trên đất: đất trống không có cây trồng, có xây dựng tường rào, xung quanh theo ranh đất, có kết cấu móng xây đã hoặc có đổ giằng bê tông cốt thép, tường xây gạch không tô cao 2,5m. Thời điểm xây dựng tháng 12/2020”, có kèm theo hình vẽ gồm hai cạnh giáp đất ông Nguyễn Văn Q và một cạnh giáp đất dân.

Tại Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 138/BB-VPHC ngày 07/7/2021 của Ủy ban nhân dân phường A đã lập biên bản vi phạm hành chính của ông Phan Văn H5 có vi phạm như sau:

*“Vào lúc 8h00 phút ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại vị trí đất thuộc tổ C, khu phố D, phường A, thành phố P đã phát hiện ông Phan Viết H đang thực hiện hành vi chiếm đất, diện tích 703,3m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp do nhà nước quản lý, đồng thời ông Phan Viết H đã xây dựng tường rào cao 2,3m xung quanh đất”.*

Như vậy, nội dung Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 138/BB-VPHC ngày 07/7/2021 không đúng với quá trình sử dụng, diện tích và hiện trạng đất do ông H đang sử dụng và không xác định vị trí đất vi phạm thuộc phần diện tích nào mà ông H đang thực tế sử dụng.

[2.7] Từ các nhận định trên có căn cứ xác định phần đất ông H sử dụng nếu căn cứ vào Quyết định số 2163/QĐ-UBND thì ông H có lấn chiếm nhưng căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thì phần đất này thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung quyết định khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5: “Buộc ông H khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất với diện tích 703,3m<sup>2</sup> đã chiếm tại tổ C, khu phố D phường T, T, tỉnh Kiên G1 theo Biên bản số 136 ngày 28/8/2021 là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 129/2023/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003325 ngày 20/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tuấn Vinh**

**Nguyễn Văn Khương**

**Nguyễn Thị Cúc**